

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 25 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Từ Thị Hải Dương.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lưu Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:**
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn”, do Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Công T, sinh năm: 1962, nơi cư trú: Số G T, Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1965, nơi cư trú: Số G T, Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Ông Phạm Công T - Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Công T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/1991 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược nhau, không chia sẻ và thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là khoảng năm 2020, khi ông hỏi khoản tiền tiết kiệm dành dụm để phòng ốm đau thì bà T1 cho biết không tiết

kiệm được đồng nào, nếu bệnh nặng thì chấp nhận chết. Toàn bộ sự việc này bà T1 đã không minh bạch trong việc quản lý tài chính của gia đình; cụ thể: Tháng 4/2019 ông đồng ý cùng bà T1 vay vốn tại Ngân hàng B số tiền 700.000.000 đồng với mục đích để buôn bán kiếm lời, nhưng đến ngày 15/7/2022 bà T1 báo có kẻ gian lừa đảo và ăn cắp số tiền trên tài khoản và 600.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng B. Vì vậy, ông phải bán ô tô và dồn hết thu nhập trong 02 năm cuối trước khi nghỉ hưu của ông để trả nợ mà vẫn không đủ và hiện tại vợ chồng còn nợ 115.000.000 đồng.

Vì vậy, ông đã mất niềm tin và không còn tình cảm với bà T1 nữa và vợ chồng không còn thương yêu nhau, cho nên mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn bà T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung: Phạm Thành Đ, sinh ngày: 02/8/1991 và Phạm Thị Kiều A, sinh ngày 22/5/1994. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T có nguyện vọng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết

- Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung bà thừa nhận như ông T trình bày. Tuy nhiên, về tình cảm vợ chồng thì trong cuộc sống nhiều lúc cũng không thể tránh khỏi sự cãi vã lẫn nhau, nhưng mâu thuẫn nhỏ này chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn. Còn sự việc bị kẻ gian trên mạng lừa đảo tiền vào năm 2020, bà đã trao đổi với gia đình nhưng ông T không tin tưởng. Hiện nay vợ chồng vẫn cùng ở chung, sinh hoạt chung và bản thân bà luôn cố gắng để vợ chồng hàn gắn tình cảm và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Bà mong muốn gia đình được đoàn tụ để cùng nhau sinh sống và các con được sống trong vòng tay yêu thương của bố và mẹ.

- Tại bản trình bày nguyện vọng đề ngày 10/5/2024 chị Phạm Thị Kiều A và anh Phạm Thành Đ là con của ông T, bà T1 trình bày: Bố mẹ đã kết hôn và chung sống hạnh phúc với nhau hơn 30 năm và đã nuôi dạy 02 con trưởng thành. Tuy nhiên, năm 2022 khi mẹ bị lừa đảo tiền qua mạng thì giữa bố, mẹ có phát sinh mâu thuẫn nên có cãi vã lẫn nhau, nhưng mẹ vẫn thường xuyên chăm lo cơm nước hàng ngày cho bố rất tốt. Vì vậy, anh chị đều có nguyện vọng bố mẹ được đoàn tụ với nhau để gia đình chung sống hạnh phúc.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 29, 35, 39, Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên xử: Bác đơn xin ly hôn của anh Phạm Công T về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị T1. Anh Phạm Công T và chị Nguyễn Thị T1 vẫn là quan hệ vợ chồng với nhau..

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên buộc nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 08/7/2024, nguyên đơn ông Phạm Công T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu: Đề nghị Toà án giải quyết ly hôn như trình bày trong đơn khởi kiện.

- Ý kiến phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; miễn án phí phúc thẩm cho đương sự vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn đảm bảo đầy đủ về nội dung, hình thức và được làm trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, cho nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà T2.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công T yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị T2 thấy rằng: Các bên đương sự kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và cùng nhau chung sống hơn 30 năm; trong suốt quá trình hôn nhân các đương sự đã đồng hành cùng nhau vun đắp tình cảm, nuôi dạy 02 con đến tuổi trưởng thành. Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm ông T trình bày thì tình cảm vợ chồng chỉ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 cho đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ việc bà T2 không minh bạch về quản lý tài chính, phá tán hết khoản tiền tiết kiệm của gia đình dẫn đến ông không còn tin tưởng vào bà T2. Tuy nhiên, đối với khoản tiền mà ông T cho rằng bà T2 đã phá tán thì bà T2 đã thừa nhận bị kẻ gian lừa đảo qua mạng nên mất hết số tiền này, vì vậy bà đã trao đổi với mọi người trong

gia đình được hiểu và thông cảm nhưng ông T vẫn không tin tưởng nên mới phát sinh mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau.

Xét thấy, các đương sự hiện nay đều đã lớn tuổi và có quá trình chung sống với nhau trong một thời gian dài, cho nên trong cuộc sống việc xảy ra mâu thuẫn, nghi ngờ lẫn nhau là điều không thể tránh khỏi. Xét nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà T2 bị kẻ gian lừa đảo và lấy hết khoản tiền tiết kiệm trong gia đình vào năm 2020 thì đáng lẽ ra ông T phải là người đầu tiên động viên an ủi bà T2 với bớt nỗi buồn, nhưng ngược lại ông T nảy sinh nghi ngờ dẫn đến mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn bà T2 là không thỏa đáng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà T2 cũng đã phần nào nhận thấy khuyết điểm của mình nên mong muốn ông T bỏ qua; đồng thời các con của đương sự đều có nguyện vọng bố mẹ được đoàn tụ để chăm sóc lẫn nhau trong những năm tuổi già. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn cho nên không chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà T2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, cho nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét để thỏa mãn kháng cáo của ông T và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông T thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí cho nên được miễn án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 28, 29, 37, 39, Điều 227, 228, 272 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Công T với bà Nguyễn Thị T1.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Công T được miễn án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Trung Thành